

Bản án số: 574/2018/DS - ST
Ngày: 10/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu.
2. Ông Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Diệu Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2190/2017/DSST ngày 05 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4333/2018/QĐXXST-DS ngày 28/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4871/2018/QĐST-DS ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ: Tầng T, Văn phòng số L Tòa nhà V, số 72 L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồng Quốc T, sinh năm 1968 (Theo Giấy ủy quyền số 13B/2018/EIBQ4/UQ-GĐ ngày 26/4/2018).

Địa chỉ: Số 196 H, Phường T, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Thu P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số M (số mới M) N, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và trong quá trình tố tụng tại tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X là ông Hồng Quốc T trình bày:

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/9/2014, bà Bùi Thị Thu P (sau đây gọi là Bị đơn) được Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi là Nguyên đơn) cấp 01 thẻ tín dụng, số thẻ JG025752 với hạn mức 50.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn từ ngày 18/9/2015 cho đến nay. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, thông báo nhắc nợ nhưng đến nay Bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ theo như cam kết cho Nguyên đơn, mới chỉ thanh toán được 07 kỳ với tổng số tiền 27.939.200 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.171.633 đồng, lãi: 4.093.784 đồng, phí trễ hạn: 548.183 đồng, phí thường xuyên và phí SMS: 1.125.600 đồng.

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi, chi phí phát sinh tạm tính đến ngày 10/10/2018, tổng cộng số tiền 359.060.763 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.986.278 đồng, nợ lãi: 104.679.723 đồng, phí trễ hạn: 159.507.570 đồng, phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng, phí thường niên và SMS: 532.000 đồng. Tiền lãi và phí tiếp tục phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/9/2014 từ ngày 11/10/2018 cho đến khi thanh toán nợ xong. Trường hợp Bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Nguyên đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản hợp pháp của Bị đơn để thu hồi nợ cho E.

* Bị đơn bà Bùi Thị Thu P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn vắng mặt. Trong đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi, chi phí phát sinh tạm tính đến ngày 10/10/2018, tổng cộng số tiền 359.060.763 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.986.278 đồng, nợ lãi: 104.679.723 đồng, phí trễ hạn: 159.507.570 đồng, phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng, phí thường niên và SMS: 532.000 đồng. Tiền lãi và phí tiếp tục phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/9/2014 từ ngày 11/10/2018 cho đến khi thanh toán nợ xong. Trường hợp Bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Nguyên đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản hợp pháp của Bị đơn để thu hồi nợ cho E.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa bảo đảm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được

tổng đạt hợp lệ. Đại diện Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận M không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện Bị đơn có vay của Nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, đã trả nợ từ khi vay đến ngày 17/9/2015 (07 kỳ) với tổng số tiền 27.939.200 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.171.633 đồng, lãi: 4.093.784 đồng, phí trễ hạn: 548.183 đồng, phí thường xuyên và phí SMS: 1.125.600 đồng. Sau đó, từ ngày 18/9/2015 đến nay, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán tiền gốc và lãi cho Nguyên đơn. Do đó Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ tiền nợ gốc, lãi và phí theo quy định pháp luật ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2017, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X khởi kiện Bị đơn bà Bùi Thị Thu P yêu cầu Bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/9/2014; do vậy xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo kết quả xác minh của Công an Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Công an phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh; Công an thị trấn L, huyện L, tỉnh V thì hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng của Bị đơn bà Bùi Thị Thu P là M (M) N, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Về việc giải quyết vắng mặt đối với Bị đơn: Qua việc xác minh nơi cư trú của Bị đơn như đã nêu trên, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của Bị đơn, việc Bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Hồng Quốc T. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, đại diện Nguyên đơn tham gia đầy đủ khi có Giấy triệu tập của Tòa, Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, đại diện Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét đơn khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ gốc: Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/9/2014, (số thẻ JG025752) đính kèm bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, bảng chiết tính tiền lãi thẻ tín dụng, các bảng kê doanh số, các sao kê thẻ tín dụng quốc tế, biên bản làm việc ngày 08/3/2016, bản cam kết trả nợ của Bị đơn ngày 08/3/2016, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn gửi cho Bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Ngày 10/9/2014, hai bên có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 9/2017, hình thức đảm bảo: tín chấp, số tài khoản thẻ: 140224849008285. Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 1 và khoản 21 Điều 2 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, không trả nợ cho Nguyên đơn từ ngày 18/9/2015 cho đến nay, ảnh hưởng đến quyền lợi của Nguyên đơn. Nguyên đơn đã liên hệ với Bị đơn nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng Bị đơn vẫn không trả mặc dù tại biên bản làm việc, bản cam kết trả nợ ngày 08/3/2016, Bị đơn cam kết sẽ trả nợ cho Nguyên đơn. Tính đến ngày 10/10/2018, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn tổng cộng số tiền 359.060.763 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.986.278 đồng, nợ lãi: 104.679.723 đồng, phí trễ hạn: 159.507.570 đồng, phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng, phí thường niên và SMS: 532.000 đồng.

Để việc đánh giá chứng cứ được khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu Bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn, tuy nhiên hết thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng Bị đơn vẫn không cung cấp, nên ngoài các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp, không có chứng cứ nào thể hiện Bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn. Do vậy, xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi và các loại phí tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/10/2018: Do Bị đơn có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, đã thực hiện các giao dịch và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và các loại phí theo quy định. Tại Điều 4 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có quy định về các loại phí dịch vụ như phí phát hành, phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí tài chính (lãi vay), phí thanh toán trễ hạn, phí sử dụng vượt hạn mức và các loại phí khác... Biểu phí dịch vụ sử dụng thẻ được E quy định từng thời điểm. Theo các thông báo về biểu phí của E thì phí tài chính (lãi vay) từ ngày 11/9/2012 đến ngày 28/4/2016 là 1,6%/tháng (19,2%/năm), từ ngày 29/4/2016 đến ngày 09/7/2018 là 1,9%/tháng (22,8%/năm), từ ngày 10/7/2018 đến nay là 2%/tháng (24%/năm); Phí trễ hạn thanh toán = 3% x số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ sao kê thẻ liền trước; Phí vượt hạn mức = 15%/năm/số tiền vượt hạn mức; Phí thường niên: 400.000 đồng; Phí SMS: 8.800 đồng. Nay Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán và các loại phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/10/2018, cụ thể: lãi: 104.679.723 đồng, phí trễ hạn: 159.507.570 đồng, phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng, phí thường niên và SMS: 532.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền Bị đơn đã sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn tổng cộng số tiền 359.060.763 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.986.278 đồng, nợ lãi: 104.679.723 đồng, phí trễ hạn: 159.507.570 đồng, phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng, phí thường niên và SMS: 532.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo luật định. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 91; điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 281; Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP X:

Buộc bà Bùi Thị Thu P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền còn nợ tính đến ngày 10/10/2018 theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, số thẻ JG025752 do các bên xác lập ngày 10/9/2014 tổng cộng số tiền 359.060.763 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu, sáu mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 49.986.278 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm bảy mươi tám đồng), nợ lãi: 104.679.723 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi ba đồng), phí trễ hạn: 159.507.570 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm bảy mươi đồng), phí vượt hạn mức: 44.355.192 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm chín mươi hai đồng), phí thường

niên và SMS: 532.000 đồng (Năm trăm ba mươi hai đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Bùi Thị Thu P còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP X theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng cấp sử dụng thẻ quốc tế tính từ ngày 11/10/2018 trên số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Bùi Thị Thu P phải chịu án phí là 17.953.038 đồng (Mười bảy triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, ba mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.342.428 đồng (Bốn triệu, ba trăm bốn hai ngàn, bốn trăm hai tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0022406 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP X và bà Bùi Thị Thu P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- VKSND Quận M;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- CC THADS Quận M;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hiền